

Bản án số: 27 /2021/DS-ST

Ngày 16 tháng 9 năm 2021

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Hồng Thủy**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Ông Nguyễn Công Chi

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu – thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: **Võ Phước Khánh Toàn** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/DSST-QĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST – HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 169/2021/QĐ-DSST ngày 13 tháng 8 năm 2021; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 169/TB-TA ngày 01 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hàn Y – Sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ 45 Nam Ô 2, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: Số nhà 63, thôn 6, xã Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Duy H – Sinh năm 1988.

Trú tại: Tổ 45 Nam Ô 2, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 01.3.2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Lê Thị Hàn Y trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Y và ông H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng vào năm 2011. Quá trình vợ chồng chung sống thương xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Ông H không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên ăn chơi, bỏ bịch và đã từng bị đưa đi cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện 05, 06 nên giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà Y và ông H đã có thời gian ly thân nhưng Ông H vẫn không có sự thay đổi. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải để hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay bà Y đã bỏ về nhà mẹ tại tỉnh Đắklăk để sinh sống. Do đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với ông Hà.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên là Trần Hoa Kim Nguyên, sinh ngày 03.11.2011 và cháu Trần Hoa Kim Ngọc, sinh ngày 29.01.2017. Ly hôn, bà Y đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi cháu Ngọc và giao cháu Nguyên cho Ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự nuôi con không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Bà Y xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà Y xác nhận không có.

** Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ông Trần Duy H trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông H trình bày thống nhất với bà Y về thời gian, điều kiện kết hôn và về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông, Ông H thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và bản thân ông cũng có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và có sử dụng ma túy nhưng vẫn còn tình cảm với vợ. Mặc dù vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng Ông H mong muốn bà Y bỏ qua để vợ chồng quay về đoàn tụ nuôi dạy con cái. Nếu bà Y cứ cương quyết ly hôn, Ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung như bà Y đã trình bày là đúng. Ly hôn, Ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyên và giao cháu Ngọc cho bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên tự nuôi con không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Ông H xác nhận, ông bà không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông H xác nhận không có.

** Qua xác minh tại địa phương thể hiện:* Quá trình Ông H và bà Y sinh sống tại địa phương, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân để xảy ra mâu thuẫn thì địa phương không biết. Hiện nay, vợ chồng ông Hà, bà Y đã ly thân và bà Y đã bỏ đi khỏi địa phương về sống tại tỉnh Đắklăk.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

Bà Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Duy Hà; Về con chung đề nghị Tòa án giao cháu Trần

Hoa Kim Ngọc cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hoa Kim Nguyên cho Ông H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên, hai bên tự nuôi con, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai; Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn ông Trần Bán có cư trú tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Bán vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Nguyên đơn Bà Lê Thị Hàn Y có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Hàn Y và Ông Trần Duy H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai ông bà đều thừa nhận quá trình vợ chồng chung có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do Ông H ngoại tình, không có trách nhiệm với vợ con, sử dụng ma túy. Qua xác minh tại địa phương được biết mâu thuẫn của vợ chồng Ông H và bà Y là có thật. Nay bà Y đề nghị được ly hôn đối với Ông H thì anh không đồng ý, ông cho rằng vẫn còn tình cảm với bà Y và mong muốn đoàn tụ nhưng bà Y không đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Hà, bà Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều xác định có mâu thuẫn dẫn đến ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Bà Lê Thị Hàn Y đối với ông Trần Duy Hà.

[2.2] *Về con chung:* Bà Lê Thị Hàn Y và Ông Trần Duy H có 02 con chung tên Trần Hoa Kim Nguyên, sinh ngày 03.11.2011 và cháu Trần Hoa Kim Ngọc, sinh ngày 29.01.2017. Ly hôn, Ông H và bà Y đều thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu Trần Hoa Kim Ngọc cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Hoa Kim

Nguyên cho Ông H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi thành niên. Hai bên tự nuôi con, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của Bà Y và ông H đều chính đáng. Việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là trách nhiệm của cha mẹ. Tuy nhiên, độ tuổi của cháu Nguyên và cháu Ngọc còn nhỏ, việc giao cho ai trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét mọi mặt, đảm bảo quyền lợi của cháu và trên cơ sở nguyện vọng của các cháu. Cháu Nguyên có nguyện vọng muốn ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống tốt nhất về mọi mặt vật chất cũng như tinh thần khi bố mẹ ly hôn. Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Ngọc cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyên cho Ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Các bên thống nhất tự nuôi con không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai là tự nguyện nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Hàn Y và Ông Trần Duy H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Hàn Y phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của Bà Lê Thị Hàn Y đối với ông Trần Duy H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hàn Y – Sinh năm 1990 được ly hôn Ông Trần Duy H – sinh năm 1988.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 131/2011, ngày 29.7.2011 của UBND phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Hoa Kim Nguyên - sinh ngày 03.11.2011 cho Ông Trần Duy H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao con chung tên Trần Hoa Kim Ngọc - Sinh ngày 29.01.2017 Bà Lê Thị Hàn Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các bên tự nuôi con không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Hàn Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0009247 ngày 17.3.2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

Trương Thị Hồng Thủy

